

# Chiều làm biếng và thơ Đường

HẠNH CHI

Thình thoảng quý vị có cảm thấy làm biếng không?

Làm biếng, mà tôi đang nói tới là không muốn làm gì, cũng không muốn dự tính sẽ làm gì; không muốn nghĩ gì, cũng không muốn sẽ nghĩ tới gì. Nghĩa là, hoàn toàn buông xả thân tâm, như chiếc lá rơi xuống giòng, cứ lặng lẽ trôi, thong thả tới cuối sông cũng được, mà vướng nhánh khô, gỗ mục, giạt vào bờ cũng chẳng sao! Hoàn toàn thoải mái, hoàn toàn tự do, như chủ nhân ông quyền uy, không hề bị những phiền toái của quá khứ, vị lai, lôi kéo, hành xử, chỉ có hiện tại "không làm gì cả" mà thôi.

Những lúc được làm biếng như thế thật là tuyệt diệu.

Tôi đang có buổi chiều tuyệt diệu.

Một bình trà thơm, một cuốn sách rút từ kệ sách bên vách tường, rất hờ hững, bâng quơ, không chọn lựa cũng chẳng quan tâm về nội dung, đề tài gì cả. Cầm sách ra vườn chỉ là thói quen, nhưng khi đang làm biếng thì nào cần biết là sách gì, vì chắc đâu đã đọc!

Cuốn sách mang theo ra vườn, khi ngồi xuống ghế, mới biết đó là cuốn "Đường Thi!"

Trời hời, đang muốn làm biếng mà đọc thơ Đường thì hiểu gì nổi! Nhưng có sao, đọc thì cứ đọc, không hiểu thì cứ... không hiểu, có thầy đồ nào cầm roi mây lăm lăm kể bên đầu mà ngại.

Yên tâm như thế, tôi thành thơi rót trà, nhấp một ngụm rồi lật sách, loáng thoáng từng trang xem có những gì.

Đại khái có nhiều tác giả, mỗi tác giả đan cử dăm bài. Tôi quyết định chọn đọc những bài được thiên hạ nhắc đến nhiều nhất, được trích dịch nhiều nhất.

Mới lật vài trang, tôi gặp ngay ông Trương Tịch. Thi nhân này, tự là Văn Xương, người Ô Giang, có bài thơ được truyền đọc nhiều nhất là bài *Tiết Phụ Ngâm*.

A, nhân thể đọc thơ Đường, tôi thử ôn lại vốn liếng chữ Hán đã rơi rụng như lá mùa thu, xem có còn sót được chữ nào không!

Tựa bài là *Tiết Phụ Ngâm* đã hay quá rồi.

Chữ Tiết, từ bộ Trúc, đồng nghĩa với cái mắt tre; mà nói về trúc là ý nói về lòng quân tử.

Chữ Phụ, ở bộ Nữ, ghép chữ Tào là cái chổi, thì không còn gì tiêu biểu hơn cho người phụ nữ.

Chữ Ngâm, từ bộ Khẩu (hỷ vi ca ngâm, nghi vi trầm ngâm)

Tạm hiểu được tựa bài, tôi hăng hái đọc một mạch:

*"Quân tri thiệp hữu phu  
Tặng thiệp song minh châu  
Cảm quân triền miên ý  
Hệ tại hồng la nhu  
Thiếp gia cao lâu liên uyển khởi  
Lương nhân chấp kích Minh-Quang-Lý  
Tri quân dụng tâm như nhật nguyệt  
Sự phu thê nghị đồng sinh tử  
Hoàn quân minh châu song lệ thùy  
Hận bất tương phùng vị giá thì"*

Đọc hết bài thơ, cái đầu tôi tự động lắc lia lịa! Bài thơ rơi vào Manas thức-thứ-bấy mà nhất định không chịu lọt xuống kho chứa là tầng thức Alaya thức-thứ-tám (lại nhân thể ôn bài Duy Thức Học với bao tầng tâm thức rắc rối, mà học trò lười như tôi, càng học càng thấy... tối!!!)

Tại sao vậy kia? tại sao Manas-thức đã thâm mà Alaya-thức chưa chịu nhận? Thật ra Alaya-thức đã tự động nhận rồi, nhưng nó lặng thinh để nhìn Manas-thức làm việc vì Manas-thức này bản chất chấp trước nên đang so đo, phân tích.

Manas-thức trong tâm thức tôi đang phân vân với ý thơ. Đại ý, người thiếu phụ có chồng đang cầm quân trấn giữ nơi xa, được một bậc nam nhi hào hoa phong nhã mon men tới, tặng món quà quý giá là đôi vòng ngọc. Nàng cầm lòng chẳng động, bèn nhận ngọc rồi đeo vào trong cánh áo. Không biết sau đó bao lâu nàng mới chợt tỉnh rằng, chồng đang ở nơi xa mà nhận quà của người khác phái thế này, thật chẳng xứng đáng chút nào. Nghĩ thế, nàng đành tìm chủ nhân đôi vòng để trả lại, nhưng vừa trả lại vừa khóc vì tiếc hùi hụi là đã không gặp được chàng sớm hơn!

Trời ơi, thế này thì đâu phải là tiết phụ! Người chồng phương xa mà biết được (dù nàng đã trả lại vòng ngọc) chắc cũng chẳng hãnh diện gì đâu, vì nếu nàng thực tình một lòng một dạ chỉ nhớ nghĩ đến chồng, thì khi anh chàng hào hoa kia mang ngọc tặng, không những từ chối ngay mà còn phải mắng cho vài mắng. Rõ ràng là anh chàng này có hậu ý. Chồng tôi không có nhà, anh mang quà quý sang tặng tôi là ý muốn gì?

Bất giác, tôi nhớ tới bà Đoàn Thị Điểm, vị nữ lưu trí tuệ ngất trời đã để lại áng văn bất hủ mà học giả Đặng Trần Côn đã chuyển dịch thành những giòng thơ mượt mà qua tác phẩm Chinh Phụ Ngâm.

Thời Trung Học, tôi mê thi phẩm này lắm, nên đến nay vẫn còn nhớ lổm bổm dăm đoạn, chẳng hạn, khi người chinh phụ tiễn chồng ra quan ải:

*"Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy  
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu  
Ngàn dâu xanh ngắt một màu  
Lòng chàng ý thiếp, ai sâu hơn ai!"*

Chỉ mấy câu thôi là người đọc có thể tin tưởng rằng tấm lòng người chinh phụ sẽ theo chồng từng bước. Mà đúng như thế thật. Người ra đi đã mấy năm biệt mà người ở lại vẫn một dạ trông chờ:

*"Kể năm đã ba, tư cách điển  
Mỗi sâu thêm nghìn vạn ngổn ngang  
Ước gì gần gũi tắc gang  
Giải niêm cay đắng để chàng tỏ hay  
Thoa cung Hán thuở ngày xuất giá  
Gương lâu Tân dấu đã soi chung  
Cậy ai mà gửi tới cùng  
Để chàng thấu hết tấm lòng tương tư!"*

Với tấm lòng trung trinh tiết liệt như vậy, anh chàng nào mang vòng ngọc tới tặng là kể như... tới số!

Manas-thức này rắc rối quá! Đã đan cử như thế vẫn chưa chịu, cho rằng có thể nhận xét chưa chính xác, chưa công bằng, vì đọc Chinh Phụ Ngâm bằng chữ nôm, nghe êm ái hơn và dễ hiểu hơn, còn Tiết Phụ Ngâm âm hưởng chữ Hán, nặng nề hơn chẳng?

Để công bằng, tôi cố lục trong kho chứa Alaya, xem còn sót chữ Hán nào, mà làm gan dịch bài Tiết Phụ Ngâm ra lục bát. Tôi từ từ dịch thế này:

*"Biết rằng thiếp đã có chồng  
Chàng còn đem tặng đôi vòng ngọc xinh  
Tạ lòng chàng, dạ chẳng yên  
Thiếp đeo trong cánh áo sen lụa mềm  
Vườn kè, nhà thiếp nằm bên  
Cầm quân, chồng thiếp giữ đền Minh Quang  
Biết lòng chàng tựa trăng trong  
Nhưng lời thề nguyện cùng chồng chẳng sai  
Lệ tuôn, trả ngọc cho ai!  
Khi xưa không gặp, tiếc hoài chi nhau!"*  
May quá, Manas-thức đã gạt gù đồng ý rồi, tôi có thể đọc bài khác.

Đã có kinh nghiệm, tôi tìm bài gì nhẹ nhàng, phơi phới hơn cho đỡ tranh cãi nhúc nhủ. Đây rồi, thi nhân Thôi Hiệu nổi tiếng như cồn và bài Hoàng Hạc Lâu, đẹp như mơ. Địa danh này ở phía Tây Bắc, thành Vũ Xương, tỉnh Hồ Bắc. Xem ông Thôi Hiệu viết gì nào:

*"Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ  
Thử địa không dư Hoàng Hạc lâu  
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản  
Bạch vân thiên tải không du du  
Tình xuyên lịch lịch Hán Dương thụ*

*Phương thảo thê thê Anh Vũ châu  
Nhật mộ hương quan hà xứ thị  
Yên ba giang thượng sử nhân sầu”*

À, thi nhân này vừa chơi chữ, vừa mượn cảnh gợi tình. Ông dùng hình ảnh người xưa cười hạc đã đi xa, để lại nơi này, lầu Hoàng Hạc còn mong nhớ.

Cái lầu này đã mang sẵn tên là Hoàng Hạc nên thi nhân mới để Tích Nhân (người xưa) cười hạc mà đi, vừa thơ mộng, vừa súc tích chữ nghĩa, vừa khoác vào người xưa một phong thái tiên ông nhẹ nhàng (có nhẹ, hạc mới chớ nổi, chứ gặp tôi, là đã thành thật hạ bút: “*Tích nhân dĩ thừa... bạch mã khứ!*”

Bài thơ hợp hồn người đọc ngay hai câu đầu rồi. Nhưng đọc tiếp thì thấy thi nhân tham lam quá, mượn cảnh chờ tình hai câu đầu có vẻ “ăn khách” là “tối luôn bác tài”.

Không tin, quý vị đọc tiếp mà xem. Nào là “Ta trông ngóng chờ mong mà chỉ thấy mây trời trắng xóa, thấy cây cao bóng cả Hán Dương, thấy cỏ non tươi bên bờ Anh Vũ, chiều dần xuống che khuất trời quê, lại thêm sóng vỗ lao xao khiến ta buồn ơi là buồn !”

Thi nhân mượn cảnh nhiều quá khiến người đọc “nhàn cư vi bất thiện” như tôi chột thắc mắc rằng, nếu không có cảnh, liệu thi nhân có thực tình buồn không?

Không bỏ lỡ cơ hội, Manas-Thức-thứ-bầy bèn rủ rê Thức-thứ-sáu cùng khởi niệm bản khoán khiến tàng-thức Alaya thứ-tám phải lòi ngay trong kho chứa ra những câu chí tình của thi sỹ Tản Đà trong bài Thề Non Nước, để hai Thức kia tha hồ mà trà đàm:

*“Nước non nặng một lời thề  
Nước đi, đi mãi không về cùng non  
Nhớ lời nguyện nước thề non  
Nước đi chưa lại, non còn đứng không  
Non cao những ngóng cùng trông  
Suối tuôn giòng lệ chờ mong tháng ngày...”*

Cũng mượn cảnh chờ tình nhưng khác là người mượn cảnh NHẬP vào cảnh nên tình này rất chí tình. Tản Đà cũng chính là nước, là non, là sông, là suối nên sự thủy chung diễn tả ở đây là tự đáy lòng; chứ không như thi nhân Thôi Hiệu, đứng bên ngoài cảnh mà nhìn “đây là mây, là cỏ, là hạc, là sóng vỗ lẫn lẫn làm ta buồn nhớ” khiến cái buồn có thể không thực buồn, nếu không có cảnh.

Cho phải phép, như với thi nhân Trương Tích, tôi lại bắt cái đầu u tối dịch bài Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu ra lục bát, cho đồng điệu với Thề Non Nước của Tản Đà.

Bài Hoàng Hạc Lâu đã được nhiều học giả, danh nhân thi sỹ dịch rồi, tôi không biết thân, còn lò dò vào là mất mạng như chơi! Để tự vệ, xin vòng tay bái kính tất cả chư liệt vị đã từng dịch bài thơ danh tiếng này. Tôi chỉ dịch vì phải đáp lại đòi hỏi của Manas-thức trong tôi, vốn cái gì cũng suy tư thắc mắc nên trong Duy Thức Học, thức này còn có biệt danh là Hằng Thẩm Tư Lương, một trung tâm tư duy trong thế giới trầm lặng mà chẳng chịt hoạt động của Tâm, Ý, Thức. Tôi xin phép tạm dịch Hoàng Hạc Lâu thế này:

*“Người xưa cười hạc đi rồi  
Nơi này Hoàng Hạc ngậm ngùi lâu không  
Hạc vàng biển biệt vờ trông  
Ngàn năm mây trắng mênh mông một trời  
Hán Dương cây ngà bóng dài  
Cỏ thơm Anh Vũ tươi ngoài bờ xa  
Chiều buông khuất bóng quê nhà  
Khói lan sóng vỗ trong ta điệu buồn”*

Để Manas-thức không kịp thì giờ cần nhắc thêm, tôi bèn giở thật nhanh tới một bài vô thường vô phạt của đại thi hào Lý Bạch.

Thi nhân này bắt tử vì đã dám thản nhiên ... tử! Tuy thi nhân tự mình tìm cái tử nhưng không phải theo nghĩa đời thường là chán đời mà tìm chết. Trên sông vắng, Lý Bạch rủ trắng uống rượu, cùng tìm thi tứ ngâm nga. Trong men rượu, trăng trở thành tri kỷ và tình thơ thấm thiết đến mức, nhìn bóng trăng lồng đáy nước, thi nhân đã trầm mình xuống giòng mà ôm bạn cho thỏa lòng! Trăng là bóng hay bóng là trăng? Lý Bạch là trăng hay chính trăng là Lý Bạch? Ôi, thật là một cái chết đầy thơ mộng!

Tôi không dám lạm bàn về vấn đề này hơn, e rằng Manas-Thức-thứ-bầy nổi hứng, lại tình nguyện làm Cẩn cho Thức-thứ-sáu, là thức có nhiệm vụ hoạt động thường xuyên giữa những trạng huống: tham, sân, si, mạn, nghi và kiến.

Khi hai thức này hợp tác với nhau thì như lửa gặp gió, vạn pháp bên ngoài được mang ra phân tích, chia chẻ không nương tay nên gặp trường hợp này, Duy Thức Học đặt tên là Phân

Biệt Ngã Chấp, cũng chẳng oan chút nào!

Biết thế, tôi chọn bài thật ngắn của Lý Bạch, chỉ có bốn câu tiễn bạn đơn sơ. Tựa bài cũng giản dị lắm: "*Tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng*" đại ý là tiễn bạn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng.

Chắc tình bạn của hai vị này phải thắm thiết lắm, nên tiễn nhau đi đâu là cũng đủ cảm xúc để làm thơ. Bài thơ ngắn của Lý Bạch thế này:

*"Cố nhân tây tử Hoàng Hạc Lâu  
Yên hoa tam nguyệt hạ Dương Châu  
Cô phàm viễn ảnh bích không tận  
Duy kiến trường giang thiên tế lưu"*

Sao mấy thi nhân thời xưa hay tới lầu Hoàng Hạc quá! Có lẽ quán này có nhiều món ẩm thực độc đáo chẳng? (tinh thần ăn uống trong tôi nổi dậy rồi đó!)

Mới đọc cái tựa, tôi cứ tưởng cô đọng có bốn câu thì bốn câu này phải diễn tả tình bạn thắm thiết lắm. Ấy thế mà tình chỉ thấp thoáng nương cảnh, cảnh lại băng khuâng như chẳng vướng tình.

Trong chữ "*Yên hoa*", tôi thấy chữ Yên từ bộ Hòa, nếu dịch sát nghĩa phải là "*khói hoa*". Nhưng khói hoa thì không thơ mộng nữa. Có lẽ thi nhân muốn nói hương của hoa bát ngát lan tỏa như khói chẳng?

Tự biên tự diễn như thế nên tôi... tự chế mà dịch theo thể song thất lục bát như vầy:

*"Từ phương tây người rời Hoàng Hạc  
Xuống Dương Châu hoa ngát tháng ba  
Cánh buồm lẻ bóng xa xa  
Chỉ còn sóng nước nhạt nhòa trời không"*

Dù căn dặn cách mấy cũng không ngăn được Manas-thức, với sự tiếp tay của Alaya-thức, lôi trong kho chứa ra những câu thơ của Thanh Tịnh mà tôi từng nắn nót từ thời Trung Học:

*"Bên rừng em hãy lặng nhìn theo  
Có phải chẳng em, ngựa xuống đèo?  
Chị ngỡ như chàng lên tiếng gọi  
Trên mình ngựa hí, lạc vang reo  
Tên chị, ai gieo giữa gió chiều  
Phải chẳng em hỏi, tiếng chàng kêu?  
Trên giòng sông lặng, em nhìn thử  
Có phải chẳng, người của chị yêu?"*

Trời hỡi! lũ khách nào mà đi cho nổi khi có người đưa tiễn thiết tha đến thế! Tôi còn băng khuâng với âm thanh réo rắt của thơ nhạc này thì tâm thức lại ngân lên những câu trong bài Tống Biệt Hành của Thâm Tâm:

*"Đưa người, ta không đưa qua sông  
Sao nghe tiếng sóng ở trong lòng?  
Nắng chiều không thắm, không vàng vọt  
Sao đây hoàng hôn trong mắt trong?"*

Lạ quá, sao tôi cứ đọc một bài thơ Đường thì một bài thơ nôm, trong cùng ý tứ, lại nảy ra? Tôi đâu có định so sánh, nhưng tới đây thì tôi phải nhận ra là tôi đang có tâm chấp ngã "*Thơ Mật của chúng ta cũng ... ngọt quá, có thua gì Thơ Đường của Trung Hoa đâu, sao ta không truyền thật nhiều cho nhau đọc rồi mời những người bạn Trung Hoa yêu thơ đọc, để họ dịch ra... chữ Tàu?*"

Ta sợ cái gì chứ? Chẳng lẽ mặc cảm ngàn năm đô hộ, theo ta vạn năm? Sao không hãnh diện nhớ những cái đáng nhớ về ông hàng xóm, thân khổng lồ mà tim nhỏ xíu này? Như, sau cả ngàn năm cai trị vẫn không đồng hóa nổi dân ta thắt bím tóc, đội nón tròn. Như, điểm son sáng rực trong sử sách khi anh hùng Lý Thường Kiệt mang châu chấu sang đá xe mà xe ngã lăn quay tới tã. Như khí thế bừng bừng ngày đầu xuân của toàn quân, toàn dân, khi Đại Đế Quang Trung đại phá quân Thanh. Như khi Hai Bà Trưng phất cờ khởi nghĩa, tướng Tàu chạy rách áo, sút giày. Vân vân và vân vân...

Đây chỉ là những tản mạn, lạm bàn của riêng tôi, trong một buổi làm biếng, không có gì nghiêm trọng cả. Chỉ là ở thời điểm lại bị người láng giềng "thân to mà tim nhỏ" chèn ép quá, nên dân-tộc-tính nổi dậy thôi. Nếu vô tình có làm phật lòng chư liệt vị nào chuộng thơ Đường thì đó là điều ngoài ý muốn. Xin lượng thứ cho.

Chưa kịp gấp sách thì gió tình cờ lật qua trang thơ Vương Duy, có bài rất độc đáo, tựa là *Tống Biệt*:

"*Hạ mã ẩm quân tửu ...*"

Mới đọc nhầm câu đầu thì bạn từ đâu tới, phát ngôn ngay:

- Xuống ngựa, uống rượu của lính.

Tôi sững sốt nhìn bạn, tưởng như mình nghe lầm! Thấy bản mặt kinh hãi của tôi, bạn nhanh nhẩu giải thích:

- Hạ là xuống. Mã là ngựa. Ẩm là uống. Quân là lính. Tửu là rượu. Thế nguyên câu "*Hạ mã ẩm quân tửu*" không phải là "*Xuống ngựa uống rượu của lính*" hay sao?

Tôi vội vàng gấp cuốn Đường Thi cái rụp, e rằng bạn nổi hứng dịch tiếp thì rắc rối to với ông Vương Duy.

"Chiều làm biếng" của tôi đã quá bận rộn lúc nào mà tôi không hay!

**Hạnh Chi**